CTCP Hanel Xốp nhựa (UPCOM: HNP)

FireAnt

Ngày 31/12/2024	17,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.2%	-26.5%	1.7%

ROE — 2024: 4.8% — +/- YoY ▲ 2.5%

DT thuần — *Q4/24* — *tỷ VNĐ*

DT thuần — *2024*: 353 *tỷ VNĐ* — YoY ▲ 44.0 ▲ 14.2%

LN gộp — *Q4/24* — *tỷ VNĐ*

LN gộp — *2024*: 48.4 *tỷ VNĐ* — YoY ▲ 10.3 ▲ 26.9%

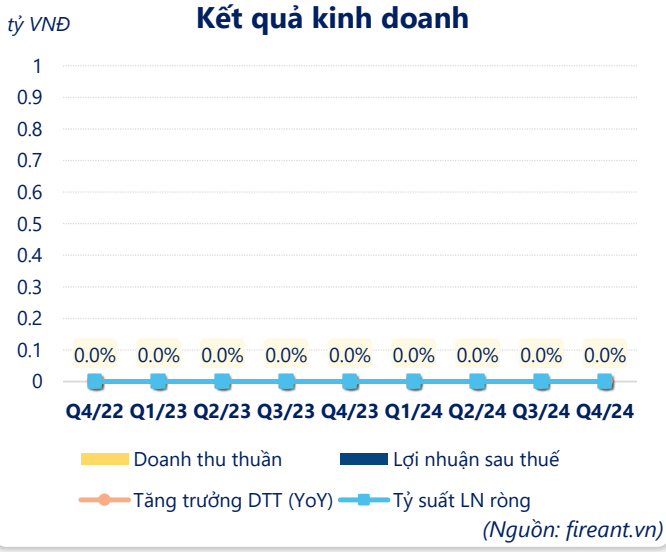
LN thuần — *Q4/24* — *tỷ VNĐ*

LN thuần — *2024*: 8.76 *tỷ VNĐ* — YoY ▲ 4.47 ▲ 104%

LN sau thuế — *Q4/24* — *tỷ VNĐ*

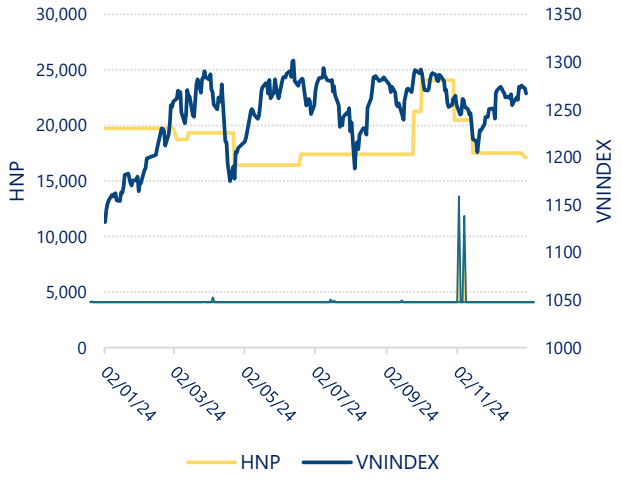
LN sau thuế — *2024*: 6.27 *tỷ VNĐ* — YoY ▲ 3.24 ▲ 107%

Kết quả kinh doanh



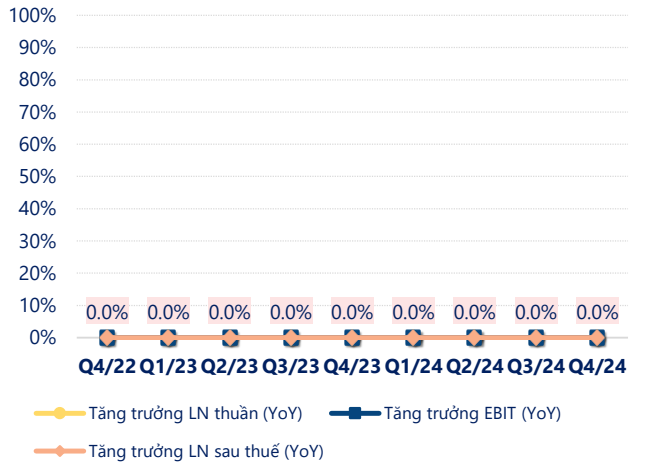
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



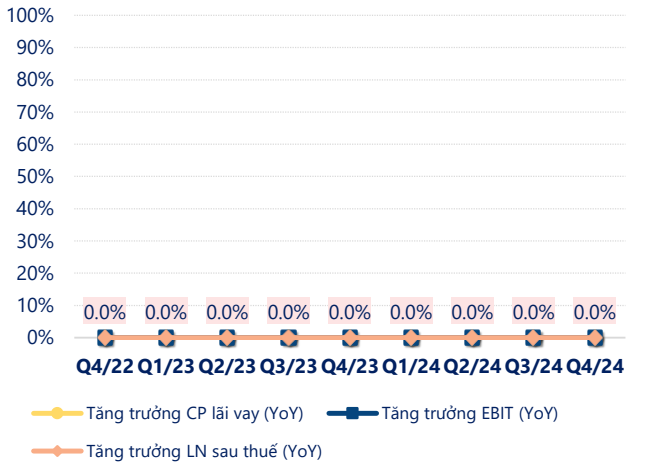
CTCP Hanel Xốp nhựa (UPCOM: HNP)

Tăng trưởng lợi nhuận



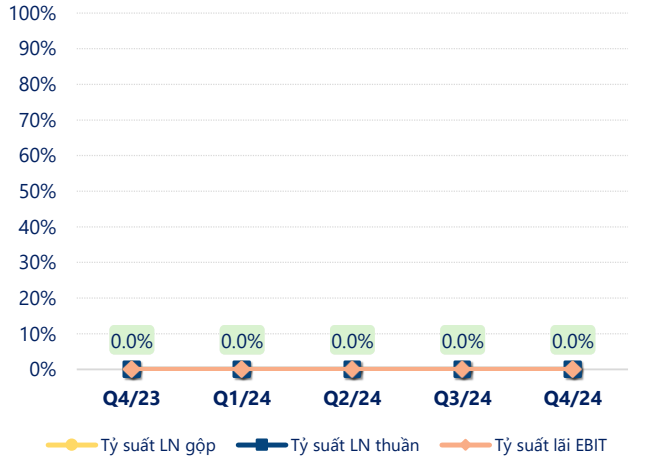
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



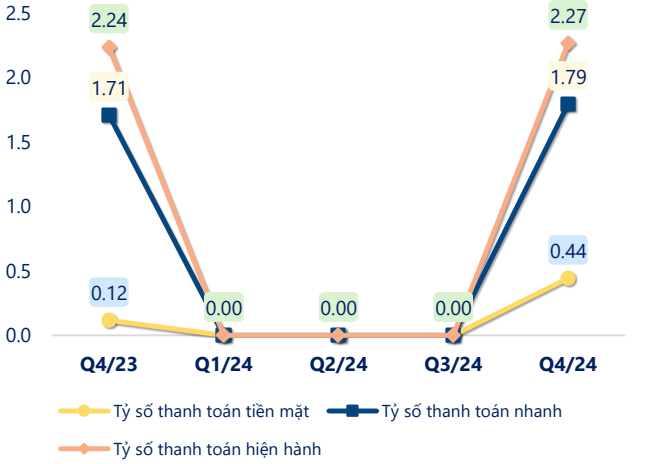
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



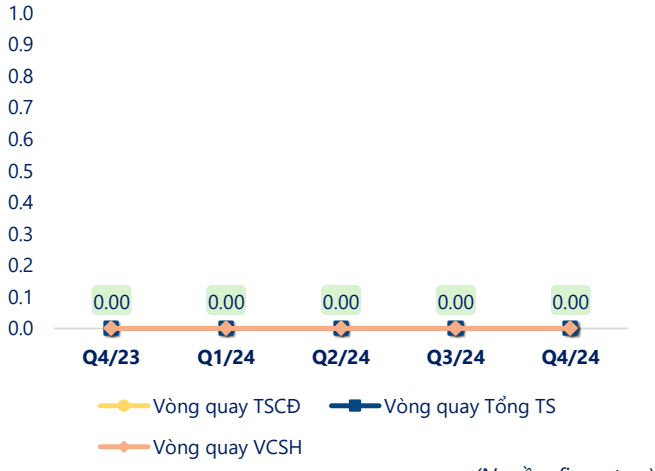
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



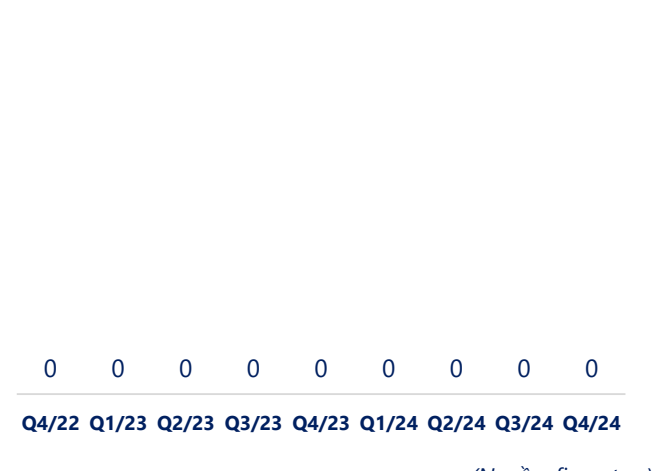
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

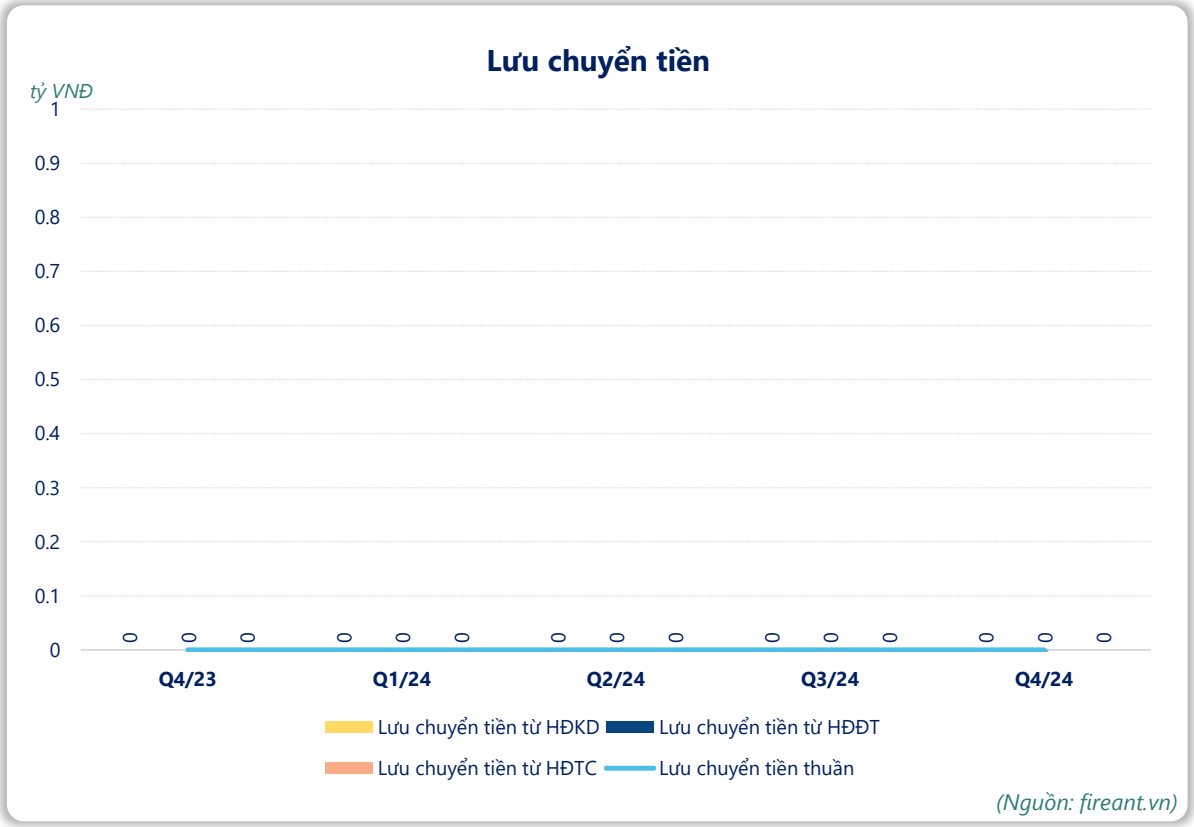


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Hanel Xốp nhựa (UPCOM: HNP)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần				**353**	**309**	**14.2%**
Giá vốn hàng bán				304	271	12.4%
Lợi nhuận gộp				48.4	38.1	26.9%
Doanh thu HĐTC				3.73	2.49	49.8%
Chi phí TC				1.62	1.51	7.3%
Chi phí lãi vay				0.31	0.91	-66.3%
LN trong công ty LKLD				**0**	**0**	
Chi phí bán hàng				19.9	17.7	12.0%
Chi phí QLDN				**21.8**	**17.1**	**28.0%**
LN thuần từ HĐKD				8.76	4.29	104%
Lợi nhuận khác				**-0.13**	**-0.21**	**38.8%**
LN trước thuế				8.63	4.07	112%
Lợi nhuận sau thuế				**6.27**	**3.03**	**107%**
LNST của CĐ cty mẹ				**6.27**	**3.03**	**107%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)